

THIÊN NGUYÊN CHƯ THUYÊN TẬP ĐÔ TỰ

QUYỂN THƯỢNG

Cũng gọi là Thiên-na Lý Hạnh Chư Thuyền tập. Sa-môn Tông Mật ở núi Khuê Phong Đường.

Thiên Nguyên Chư Thiên tập là viết những ngữ lục của các nhà sáng tác. Thuyền là biểu hiện đạo lý căn nguyên của Thiên môn, văn tự cú kệ gom lại biên thành một tạng để lại cho đời sau, cho nên đề hồ là tên này. Thiên là lời của Thiên Trúc, gọi đủ là Thiên-na, Trung Hoa dịch là tư duy tu, cũng gọi là tĩnh lực đều là tên chung của định tuệ. Nguồn là chân tánh bản giác bản giác của tất cả chúng sanh, cũng gọi là Phật tánh, cũng gọi là tâm địa. Ngộ gọi là tuệ tu gọi là định. Định tuệ gọi chung là Thiên-na. Tánh này là bản nguyên của thiên, cũng gọi là lý hạnh của Thiên-na. Bản nguyên này là lý thiên, quên tình là khế hợp với hạnh thiên, cho nên gọi là lý hạnh. Nhưng nay gom lại những trước tác của các nhà, bàn nhiều về lý thiên ít luận về hạnh thiên, cho nên mới dùng Thiên Nguyên để đề tựa. Thời nay có người thấy được chân tánh là thiên, nhưng không thông ý chỉ lý hạnh, lại không phân biệt được âm hoa và Thiên Trúc. Nhưng cũng chẳng phải là chân tánh riêng có thể thiên. Chỉ vì chúng sanh mê chân hiệp với trần, thì gọi là tán loạn, bối trần hiệp chân mới gọi là thiên định. Nếu luận thẳng bản tánh thì không có chân không có vọng, không bối không hiệp, không định không loạn, ai nói thiên ư? Huống nữa chân tánh này chỉ là cội nguồn của thiên môn, cũng là nguồn của vạn pháp, cho nên gọi là pháp tánh, cũng là cội nguồn mê ngộ của chúng sanh, cho nên gọi là Tạng thức Như Lai Tạng; cũng là nguồn của vạn đức chư Phật, cho nên gọi là Phật tánh; cũng là nguồn của vạn hạnh Bồ-tát, cho nên gọi là tâm địa. Vạn hạnh không ra ngoài Lục độ Ba-la-mật, thiên môn chỉ là một trong sáu độ ấy. Nên biết nó là thứ năm, đâu thể đều thấy chân tánh là một thiện hạnh ư? Nhưng một hạnh thiên định là thần diệu nhất, có thể phát khởi tánh trí tuệ vô lậu trên. Tất cả diệu dụng vạn đức vạn hạnh, cho đến thần thông quang minh đều từ định phát, cho nên hàng học Tam thừa muốn cầu Thánh

đạo phải tu thiền. Lìa không môn này và lìa không đường này, cho đến niệm Phật cầu sanh Tịnh độ cũng phải tu Thập Lục Quán Thiền đạt đến Niệm Phật Tam-muội, Ban Chu Tam-muội. Hơn nữa chân tánh này không cấu không tịnh phàm thánh không khác nhau. Thiền thì có cạn có sâu, thứ lớp khác nhau. Nghĩa là mang tư tưởng chấp khác nên ưa trên chán dưới để tu, đây là thiền ngoại đạo. Người tin đúng nhân quả cũng tu theo ưa và chán đây là thiền phàm phu. Thiền Tiểu thừa thì hành giả tu theo phương pháp biết được ngã không nghiêng về lý chân. Tu theo Đại thừa là hành giả ngộ được ngã pháp cả hai đều không hiển bày được lý chân. Đốn ngộ tự tâm xưa nay thanh tịnh vốn không phiền não; Tánh trí vô lậu sẵn có đầy đủ, tâm này là Phật hoàn toàn không khác, người nương vào đây tu gọi là thiền Tối thượng thừa, cũng gọi là thiền Thanh tịnh của Như Lai, cũng gọi là Nhất hạnh Tam-muội, cũng gọi là Chân như Tam-muội. Đây là cội nguồn của tất cả Tam-muội, nếu hay niệm và nhờ tu tập, tự nhiên dần đạt được trăm ngàn Tam-muội. Môn hạ của Tổ Đạt-ma lần lượt truyền nhau là Thiền-này. Khi Tổ Đạt-ma chưa đến, xưa nay các nhà đã giải thích đều là Tứ thiền bát định trước. Các cao tăng tu đều đạt được công dụng. Nam Nhạc, Thiên Thai đều dạy nương vào lý Tam đồ tu Tam chỉ, Tam quán. Giáo nghĩa dù viên diệu nhất, nhưng vào cửa phải có thứ tự, cũng chỉ là hành tướng các thiền trước. Chỉ có pháp môn Tổ Đạt-ma đã truyền, đốn ngộ đồng thể Phật, khác hẳn với các môn, cho nên người tu tập trong tông môn khó đạt được ý chí này. Đạt được tức thành Thánh mau chứng Bồ-đề. Quên mất thì thành tà, liền vào đường hiểm. Tiên Tổ vén được mờ ngăn tội lỗi, cho nên chỉ truyền một người, đời sau đã có bằng chứng, cho nên tin ngàn đền ngàn chiếu. Đến pháp lâu thành tệ người sai lầm nhiều, cho nên người học kinh luận nghi phỉ báng cũng lắm. Hơn nữa Phật nói đốn giáo, tiệm giáo, thiền mở đốn môn tiệm một môn. Hai giáo hai môn mỗi môn đều khế hợp nhau. Nay người giảng thiên về nghĩa tiệm. Người thiền thì thiên về đốn tông. Thiền giảng gặp nhau đâu cách biệt. Tông Mật không biết Túc Sanh làm sao huân được tâm này. Mình chưa giải thoát mà muốn mở trí cho người. Quên mình vì đạo, thương cho người tha thiết với thần tình. Mỗi lần than người cùng pháp khác nhau, pháp là vì người bệnh, cho nên soạn kinh luật, luận số khác nhau, để mở rộng môn giới định tuệ, hiển bày tính chất đốn ngộ trong tu tiệm, để chứng minh lời dạy của Sư hợp ý Phật. Ý thì có ngọn gốc nên trình bày quanh co, văn mênh mông nên khó tìm. Người học rộng tuy nhiều nhưng người có ý chí thì ít, hướng nữa vết tích danh ngôn, ai biết được vàng thau.

Luống nhọc mình chưa thấy được cơ cảm. Tuy Phật nói bi để tăng thêm hạnh này, nhưng tự nghĩ di kiến khó phòng ngừa, liền thâu thập những điều vào núi tập định quân tuệ, khoảng mười năm dứt vọng tưởng chấp tướng. Những tập tình vi tế khởi diệt thấy rõ trong tỉnh tuệ. Nghĩa pháp khác nhau thấy la liệt ở trong tâm không. Mây bụi lắng tắng trong ánh sáng mặt trời xuyên qua khe hở. Đầm trong thấy rõ những hình ảnh dưới nước, há sánh với kẻ si thiền giữ yên ngan không. Chỉ là kẻ cuồng tuệ tìm văn chương, nhưng xưa rõ được tự tâm nên biết rõ các giáo, cho nên tha thiết với tâm tông. Lại nhờ biết được các giáo nên hiểu tu tâm, cho nên chí thành với giáo nghĩa. Giáo là kinh luận của chư Bồ-tát và Phật để lại. Thiền là cú kệ của thiện tri thức đã trước tác. Chỉ có kinh Phật mở rộng cho cả chúng Đại Thiên Bát Bộ. Kệ thiền toát yếu, thành tựu được một cơ của phương này. Lưới nhiều thì mệnh mông khó nương thành tựu cơ thì dụng dễ chỉ, nay biên tập là ở ý này.

Nói toát yếu thì văn phải giản lược, nghĩa một đầy đủ. Lý cô đọng nhiều nghĩa nhưng văn ít. Vả lại kinh chư Phật nói đều đủ nghĩa pháp nhân, quả, tín, tu, chứng, tuy mỗi thế giới khác nhau nhưng hóa nghi không khác. Nhưng đều lập giáo đầy đủ, hội Hoa Nghiêm mỗi vị, đều kết hợp mười phương thế giới đều đồng thuyết này. Nay xem tập chư gia thiền thuật, phần nhiều là tùy theo hỏi ngược lại với bản chất toàn lập toàn phá, không thấy được đầu mối thứ tự này thì không thấy được trước sau, há được tên toát yếu Phật giáo sao?

- Phật ra đời Thập giáo là tùy theo xứ sở độ người. Mỗi sự thể khác nhau, nhưng Phật giáo muôn đời đều có bằng chứng. Lý phải trình bày khúc chiết, Thầy dạy ngay đó độ thoát. Ý khiến huyền thông, huyền thông thì quên lời, cho nên ngay lời không để lại vết tích. Dấu tích dứt ở ý, lý hiện ở nguồn tâm thì tin hiểu tu chứng, không bị trở ngại tự nhiên thành tựu. Kinh luật số luận, không học mà tự nhiên thông suốt sâu xa. Cho nên có hỏi tu đạo, thì đáp vì không tu đạo. Có cầu giải thoát thì nói ai trí. Có hỏi đường thành đạo thì nói vốn không phạm phu. Có người hỏi lâm chung an tâm thì nói xưa nay không việc, hoặc cũng nói đây là vọng, đây là chân. Dụng tâm như thế thì dừng nghiệp cũng như vậy. Nói tóm lại, tùy theo việc đương thời mà ứng có lúc đó, đâu có tháp nhất định tên là A-nậu-bồ-đề, đâu có hạnh nhất định tên là Ma-ha-bát-nhã, chỉ đạt được tình có sở niệm. Ý không tạo tác, tâm không chỗ sanh, tuệ không chỗ trụ tức là chân tín, chân giải, chân tu, chân chứng. Nếu người không liễu được tâm mình chỉ chấp danh giáo muốn cầu Phật đạo. Há không thấy chữ thức xem kinh vốn không chứng ngộ. Bỏ văn

giải thích nghĩa chỉ lấy lừng tham sân ư? Huống nữa A-nan đa vãng tổng trì nhiều năm không chứng Thánh quả. Dứt duyên phản chiếu tạm thời liền chứng vô sanh thì biết được sự lợi ích của Thừa giáo, mới độ được người. Mỗi thứ đều có nguyên nhân, không nên quở trách văn tự.

- Đã trọng ý không quý văn, thì tại sao biên tập các câu kệ này?

- Biên tập có hai ý: 1/ Dù có kinh Thầy truyền mà ngộ thì không rõ được cứu cánh, lại không gặp được các bậc thiện tri thức khắp nơi khám nghiệm được sở ngộ của mình, nay phải xem lại lời ý thiên kiến của chư Sư, để thông tâm này và dứt những niệm sót lại; 2/ Để cho người ngộ hiểu rõ muốn làm Thầy người, khiến họ kiến văn rộng và tăng thêm thiện xảo kia, nương vào kiến giải truyền trao và đáp câu hỏi. Tức là ở trên nói: “Lưới Thiên giới mệnh mông khó nương, thành tựu một phương thì dụng dễ chỉ”. Nhưng lại chẳng phải là chỉ tính chất của môn quên lời, cũng kiêm luôn sự giáo hóa lợi ích của Thiên giáo. Chẳng những chỉ khiến cho ý hợp với Phật, cũng muốn khiến văn hợp với kinh. Văn đã giống hay trái mà khiến cho hợp với sự thật. Vì không dễ phán xét một tạng kinh, Đại thừa, Tiểu thừa, lý quyền thật liễu nghĩa hay không liễu nghĩa, mới ấn định được các tông thiên môn mỗi tông có chỉ thú không trái với ý Phật. Nghĩa là một tạng kinh luận thống nhất chỉ có ba. Thiên môn nói giáo cũng thống nhất ba tông, phối hợp hợp nhau mới thấy viên thành.

Nay học thiên tại sao nói liên quan đến kinh luận?

- Có mười nguyên nhân phải biết kinh luận dùng quyền thật mới biện luận được các tông phái thiên đúng hay sai. Lại phải biết tánh tướng tâm, thiên mới hiểu được sự lý kinh luận: 1. Sư phải có gốc ngọn bằng chứng để lấy gốc ẩn khả cho ngọn; 2. Thiên phải có các tông hỗ tương những chiều trái nhau; 3. Kinh như giấy mực mặc định tà chánh; 4. Kinh có quyền thật tu nương liễu nghĩa; 5. Lượng có ba thứ để khám nghiệm khế hợp phải đồng; 6. Nghi có nhiều ban để giải quyết không; 7. Nghĩa pháp không đồng phải khéo biết rõ; 8. Tâm không tánh tướng tên đồng nghĩa khác; 9. Ngộ tu đốn tiệm nhưng giống trái nhau; 10. Sư trao phương tiện phải biết đây là thuốc bệnh.

- Sư có gốc ngọn: Nghĩa là Thủ Tổ các tông là Thích-ca. Kinh là lời Phật, thiên là tâm Phật. Tâm ý chư Phật hoàn toàn không trái nhau. Chư Tổ kế thừa căn bản là Phật, đích thân trao cho Bồ-tát là ngọn. Chỉ cần hoằng truyền kinh Phật. Huống nữa Ca-diếp cho đến Cúc-đa hoằng truyền đều kiêm luôn Tam Tạng. Đề-đa-ca về sau, nhân Tăng tranh luận giáo biệt hành. Đến nay nước Kế Tân, nhờ vua gạn hỏi kinh luận

phân hóa, giữa đó Mã Minh Long Thọ là Tổ sư, tạo luận giải thích kinh mấy ngàn vạn kệ. Thấy phong hóa chúng sanh không nhất định vào sự nghi, chưa thấy có người giảng hủy báng thiên, người phá thiên hủy báng giảng. Đạt-ma thọ pháp Thiên Trúc đích thân sang Trung Hoa, thấy người học phương này phần nhiều chưa đắc pháp, chỉ dùng danh số làm giải, sự tướng làm hạnh. Muốn cho họ biết mặt trăng không phải ngón tay pháp là tâm ta, cho nên chỉ dùng tâm truyền tâm, không lập văn tự; hiển tông phá chấp nên nói lời này. Chẳng lìa văn tự nói giải thoát cho người truyền giáo được ý thì từng khen kinh Lăng-già và Lăng Nghiêm rằng: “Hai kinh này là tâm yếu của ta”. Thời nay đệ tử kia đây mê nguồn. Người tu tâm cho kinh luận làm biệt tông. Người thuyết giảng chi thiên môn là biệt pháp. Họ nghe bằng nhân quả tu chứng thì thuộc vào những kinh luận, không biết tu chứng chính là việc chính của thiên môn. Nghe nói tức tâm tức Phật, thì thuộc hoài bão nhà thiên, không biết tâm và Phật chính là bản ý của kinh luận (1). Nếu nay không dùng quyền thật của kinh luận để phối hợp sâu cạn của Thiên tông, thì đâu thể dùng giáo chiếu sáng tâm, dùng tâm giải thích giáo.

- Thiên có các tông phải trái hổ tương nhau: Nay biên tập tác phẩm của trăm nhà, tông nghĩa khác vẫn còn ở trăm nhà. Nghĩa là Giang Tây, Hà Trạch, Bắc Tú, Nam Năng, Ngưu Đầu, Thạch Đầu, Bảo Đường, Tuyên Thập và Trù Na, Thiên Thai... lập tông trác trở hổ tương nhau, có dùng không làm gốc, có dùng tri là nguồn, có nói tịch lặng mới chân, có nói hành, tọa đều phải, có nói ngày nay thấy sớm phân biệt tạo tác tất cả đều vọng, có nói phân biệt tạo tác tất cả đều chân, có vạn hạnh đều còn, có cả Phật cũng mất, còn buông thả chí này, còn câu thúc tâm kia, còn dùng kinh luận làm chỗ nương, chẳng những nói rộng còn nói chính xác. Chính xác hoằng truyền tông này, hủy đúng loại kia, tranh được hòa hội. Hỏi là liền thấu nhận, chẳng phải điều đó thì lựa chọn, tại sao phải hòa hội sâu xa?

- Hoặc không, hoặc có, hoặc tánh, hoặc tướng đều không kỳ tà, nhưng mỗi duyên đều chỉ có mình là phải, bài xích kia là sai. Xác định mình người cho nên phải hòa hội.

Đều chẳng phải tà, thì mỗi thứ tin và xác định, tại sao phải hội họp.

- Chí đạo chỉ đưa về một mối không hai, không nên còn hai thứ. Chí đạo chẳng phải một bên phải rõ không thiên lệch, không chấp một, cho nên phải hội thành một khiến cho đều viên diệu. Đem băng trộn với lửa thế không còn cả hai, đem mâu đâm thuẫn thì cả hai không thành

công. Các tông đã cùng trái nhau. Một điều đúng thì phải có một điều sai, làm sao hội hợp lại làm cho đều nhiệm mầu.

- Điều còn pháp này đều đui bệnh kia thì đều viên diệu. Nghĩa là dùng pháp thành tựu người thì khó, dùng người thành tựu pháp thì dễ. Người phân nhiều theo tình cùng chấp, chấp thì trái nhau, dễ như bằng lửa hòa nhau, khó như mâu và thuẫn kích nhau. Pháp vốn gọi lý cùng thông, thông thì thuận nhau tự nhiên. Động hay chảy đều là nước, vòng và xuyên đều là vàng chỉ khác hình thức. Nói tóm lại, hạn cuộc thì sai, hội hợp thì phải. Nếu không dùng lời Phật mỗi mỗi chỉ dạy ý này và mỗi thâm nhận sở trường kia để thống nhất ba tông đối với Tam giáo, thì làm sao để hội lại thành một thời thiện xảo đều thành pháp môn diệu yếu. Mỗi mỗi quên tình này đồng về biển trí(2). Ba kinh như thước dây mực định tà chánh, dây mực không khéo, công xảo như dây mực làm chứng cứ. Kinh luận chẳng phải thiên, người truyền thiên đem kinh luận làm chuẩn. Những người trung căn hạ căn chỉ nương vào Thầy, Thầy xem căn cơ của mình theo đó chỉ dạy truyền trao. Hạng thượng căn ngộ được Viên thông, chưa nghiên cứu lời Phật thì đâu đồng với Phật.

Hiện tại đều có kinh Phật, người tu học thường đọc nghiên cứu thể hội. Nay biên tập thiên tại sao phân tích kinh?

- Ý này thì phải thứ tự văn của nó để đáp câu hỏi này. Tứ kinh có quyền thật phải nương ý nghĩa. Nghĩa là Phật nói các kinh có theo lời ý của mình, có theo lời ý của người khác, có khi nói lý cứu cánh, có khi tùy theo căn cơ đương thời. Có khi nói tánh tướng, có khi nói đốn tiệm Đại thừa Tiểu thừa, có khi nói liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Văn nhiều khi nghịch với thể tướng, trái nghĩa nhưng đều viên thông vô ngại. Long Tạng tan vỡ đâu thấy được ý chỉ quay về, cho nên nay lấy mười điều còn lại chỉ Đồ để lựa chọn điều này, để cho một thời thấy trọn vẹn ý Phật. Sau khi thấy được ý Phật thì nghiên cứu đủ một tạng, thì câu câu biết tông. Ngũ Lượng có ba điều để nghiệm xét kế ngộ phải đồng. Các bậc Hiền thánh ở Tây Vực đã giải thích nghĩa pháp đều dùng Tam lượng để ấn định: 1/ Tỷ lượng. 2/ Hiện lượng. 3/ Phật ngôn lượng. Lượng như độ lượng thăng đấu đo lường đồ vật biết được chính xác. Tỷ lượng, dùng nhân duyên thí dụ để so sánh. Như thấy lửa ở đằng xa thì biết đó có lửa. Tuy không thấy lửa cũng chẳng phải là hư vọng. Hiện lượng là tự thân thấy, không mượn vật bên ngoài suy lường, tự nhiên vẫn xác định được. Phật ngôn lượng là dùng các kinh làm xác định. Khám nghiệm kế ngộ phải đồng, nếu chỉ nương lời Phật không tự do lường chứng ngộ tâm mình, chỉ là tin mông lung, không có ích lợi cho mình.

Nếu chỉ chấp vào hiện lượng tự thấy là đúng, thì không khám nghiệm được lời Phật, đâu biết được đúng hay sai. Lục sư ngoại đạo đích thân thấy được lý sở chấp, tu cũng đạt được công dụng tự cho là đúng, đâu biết là tà. Nếu người chỉ dùng Tỷ lượng đã không có Thánh giáo và tự thấy, thì đâu có so sánh, so sánh pháp nào, cho nên phải có Tam lượng để trắc nghiệm đồng mới là quyết định Thiên tông phần lớn có tỷ lượng và hiện lượng. Nay lại dùng kinh luận để ấn chứng thì đủ Tam lượng. Lục nghi có nhiều ban phải thông tất cả trong mấy mươi năm từng có Đại Đức kinh luận. Tôi nói: “Tứ Thiên Bát Định đều ở thượng giới, cõi này không thiên”. Hễ người tu thiên thì phải nương vào kinh luận để hướng dẫn thiên định thượng giới, nhưng tu tập ở cõi này, người tu tập thành tựu đều là thiên kia, các giáo có nói không vượt ra điều này, tại sao bỏ Tứ thiên bát định nói thiên môn. Đã không nương kinh tức là tà đạo. Lại có người hỏi, kinh nói: “Tiệm tu nhiều kiếp mới chứng Bồ-đề. Thiên nói đốn ngộ sát-na liền thành Chánh giác. Kinh là lời Phật, thiên là lời Tăng, trái Phật tuân theo Tăng, thậm nghi chưa được”. Lại có người hỏi: “Yếu chỉ thiên môn không thị không phi, hại oán thân không sân, không hỷ, cơ sao Nam Năng Bắc Tú hiềm khích nhau như lửa, nước và vết rạn nứt giữa Hà Trạch Hồng Châu, Tham Thương”. Lại có người hỏi: “Sáu đời Thiên tông Thầy trò truyền trao thiên pháp đều nói rằng: “Nội truyền một ngữ ngoại truyền y làm biểu tín”. Y pháp là tinh thần và vật chất dùng để ấn khả, về sau Tào Khê không nghe điều này, chưa biết thời nay giáo hóa người có nói mật ngữ không?”

- Người không nói thì đã truyền chẳng phải pháp của Tổ Đạt-ma, người nói và nghe hợp lại hết tất cả được y.

Lại có Thiên Đức hỏi rằng: “Đạt-ma truyền tâm không lập văn tự, những người nào trái với Tiên Tổ giảng luận truyền kinh?” Gần đây lại hỏi: “Tịnh Danh đã quả ngồi yên. Hà Trạch mỗi lần quả trách lắng tâm. Tào Khê mỗi lần thấy người ngồi kiệt già từng lấy gậy đánh”. Nay lại hỏi: “Mỗi các ông nhân giáo giới khuyên tọa thiên, am thiên la liệt khắp nơi ở núi cao hang động, trái với tông khác với tổ, tôi thậm nghi điều này. Tôi tuy tùy thời đối đối mỗi thứ, nhưng người nghi thì có ngàn vạn, lo cho họ chưa được nghe. Huống nữa gạn hỏi những điều tình đều thiên chấp. Đã chấp nên mỗi thứ khác nhau, đây kia trái ngược, nhờ trình bày rõ nghi càng tăng thêm bệnh, cho nên phải mở ba nghĩa môn bình luận một tạng kinh, đáp hết nghi trước đều thông suốt. (3) Bấy pháp nghĩa không đồng phải khéo phân biệt để biết. Hễ muốn giải thích rõ các pháp tánh tướng, trước phải phân biệt được pháp nghĩa. Nương

pháp giải thích nghĩa, thì nghĩa rõ ràng, dùng nghĩa nói pháp, pháp liền hiển rõ. Nay theo thế nhân nói điều này, như vàng thiệt theo người thợ đủ duyên làm vòng trâm chén mâm các vật dụng, tính chất vàng không đổi thành đồng thiết. Vàng tức là pháp, không biến đổi tùy theo duyên là nghĩa. Giả sử có người hỏi, nói vật gì không biến đổi, vật gì tùy duyên? Chỉ đáp chung là vàng. Để dụ cho một tạng kinh luận về nghĩa lý, chỉ là nói về tâm. Tâm tức là pháp, tất cả là nghĩa. Thế nên kinh nói: “Vô lượng nghĩa sanh từ một pháp, nhưng vô lượng nghĩa thống nhất chỉ có hai thứ: 1/ Bất biến. 2/ Tùy duyên. Các kinh chỉ nói tâm này tùy theo duyên mê ngộ thành cấu tịnh, phàm Thánh, phiền não, Bồ-đề, hữu lậu, vô lậu v.v... cũng chỉ nói tâm này cấu tịnh... Từ xưa đến nay chưa từng biến đổi, thường tự vắng lặng chân thật như như. Giả sử có người hỏi: “Nói pháp nào không biến đổi, chỉ đáp chung là tâm không biến là tánh, tùy duyên là tướng. Xiển biết tánh tướng đều là thượng nghĩa Nhất thừa. Nay hai tông tánh tướng đều sai lý do không biết chân tâm. Mỗi mỗi lần nghe nói đến chữ tâm thì ám chỉ là thức thứ tám là nghĩa chân tâm tùy duyên trên. Cho nên Bồ-tát Mã Minh lấy một tâm làm pháp, lấy hai môn chân như sanh diệt làm nghe. Luận rằng: “Nương tâm này hiển bày nghĩa Ma-ha-diễn. Tâm chân như là thể, tâm sanh diệt là tướng dụng, chỉ nói tâm này không hư vọng cho nên nói là chân, không biến đổi cho nên nói là như”. Do đó, trong luận mỗi mỗi nói tâm chân như, tâm sanh diệt. Thời nay người học thiền phần nhiều không biết nghĩa này, cho nên chỉ nói tâm là thiền. Người giảng phần nhiều không biết pháp, cho nên chỉ theo tên nói nghĩa. Tùy theo tên sanh kiến chấp khó có thể hội được. Nghe nói về tâm cho là cạn, nghe tánh thì nói sâu, hoặc bỏ dùng tánh làm pháp, dùng tâm làm nghĩa cho nên phải theo ba Tông luận tướng đối chiếu pháp nghĩa là đã hiển bày, chỉ về nhất tâm, tự nhiên không còn tranh luận. Tám tâm thông tánh tướng tên đồng nhưng nghĩa khác. Các kinh hoặc quở tâm là giấc, chế phục để đoạn trừ tâm vọng, hoặc ca ngợi tâm là Phật, khuyên họ tu tập. Hoặc nói tâm thiện, tâm ác, tâm tịnh, tâm cấu, tâm tham, tâm sân, tâm từ, tâm bi. Hoặc nói giá cảnh tâm sanh, hoặc nói tâm sanh do cảnh. Hoặc nói tịch diệt là tâm, hoặc nói duyên lự là tâm, cho đến các thứ trái nhau. Nếu không dùng các tông tướng đối hiểu biết, thì người xem kinh đâu thể biết được, có nhiều thứ tâm, hay là chỉ một tâm? Nay trình bày sơ danh thể, nói rộng về tâm, lược có bốn thứ. Phạm ngữ mỗi nơi khác nên dịch ra cũng khác. 1/ Ngật-lợi-đà-da, Trung Hoa dịch là nhục đoàn tâm, đây là tâm ngũ tạng trong thân (4). 2/ Duyên lự tâm, đây là tám thức

đều có thể duyên lự vào phần cảnh của mình (5). Tám thức này mỗi thức đều có tâm sở thiện, ác khác nhau. Trong các kinh các tâm sở đều gọi là tâm, nghĩa là tâm thiện, tâm ác... 3/ Chất-đa-la Trung Hoa dịch là tập khởi tâm, chỉ có thức thứ tám tích tập chủng tử rồi sanh hiện hành (6). 4/ Càn-lật-đà-la, Trung Hoa dịch là kiên thật tâm cũng gọi là trịnh thật tâm, đây là chân tâm. Nhưng thức thứ tám tự thể không khác, chỉ là chân tâm nhưng vì bất giác, cùng với các vọng tưởng có hòa hợp hay không hòa hợp, hàm chức nhiệm tịnh làm tàng thức không hòa hợp. Thể thường không biến đổi là chân như, đều là Như Lai Tạng, cho nên kinh Lăng-già nói: “Tịch diệt gọi là nhất tâm, nhất tâm tức là Như Lai Tạng. Như Lai tạng cũng là thuộc pháp thân”. Như kinh Thắng Man nói: “Nên biết bốn tâm vốn đồng một thể”. Cho nên kinh Mật Nghiêm nói: “Phật nói Như Lai Tạng là A-lại-da. Ác tuệ không thể biết tạng tức là thức lay-da(7)” Như Lai thanh tịnh tạng, thế gian A-lại-da như vàng và vòng đeo tay lẫn lượt không khác nhau. Nhưng tuy đồng thể, nghĩa chân vọng khác, gốc ngọn cũng khác, ba thứ trước là tướng, một thứ sau là tánh. Nương tánh khởi tướng bởi vì có nguyên nhân. Hội tướng về tánh đều có lý do. Tánh tướng không ngại đều là nhất tâm. Mê nó thì gặp việc xoay mặt vào vách. Ngộ nó thì vạn pháp rõ như gương. Nếu không tìm văn cú, hoặc tin hoài bảo trong mình, đối với nhất tâm tánh tướng này làm sao liễu hội, chín ngộ tu đốn tiệm giống nhưng ngược lại phù hợp. Nghĩa là các kinh luận và chư thiền môn hoặc nói trước nhờ tiệm tu thành công hoá nhiên đốn ngộ, hoặc nói trước tu đốn ngộ sau mới tiệm tu. Hoặc nói do đốn ngộ cho nên tiệm ngộ, hoặc nói ngộ tu đều tiệm, hoặc nói đều đốn, hoặc nói pháp không đốn tiệm, đốn tiệm tại căn cơ. Như trên nói, mỗi thứ đều có ý nghĩa. Nói ngược lại nghĩa là đã ngộ thì thành Phật vốn không phiền não gọi là đốn tức là không phải tu đoạn. Tại sao nói là tiệm tu? Tiệm tu tức là phiền não chưa hết, nhân hạnh chưa viên mãn, quả đức chưa đầy đủ, thì làm sao gọi là đốn. Đốn tức là không phải tiệm, tiệm thì không phải đốn thế nên nói là trái nhau. Như trả lời ở hội dưới, tức là đốn tiệm không phải không trái nhau, ngược lại có bản chất hỗ tương cho nhau. Mười thầy trò truyền nhau phải biết bệnh thuộc. Nghĩa là tiếp nhận sự truyền trao ở trên phương tiện đều chỉ bày bản tánh, mới khiến nương tánh tu thiền. Tánh không để ngộ phần nhiều do chấp tướng, cho nên muốn hiển bày tánh trước phải phá chấp. Phương tiện phá chấp thì phàm thánh đều dứt, công lỗi đều tiêu. Giới thì không phạm không trì, thiền thì không định không loạn. Ba mươi hai tướng là không hoa, ba mươi hai phẩm trợ đạo đều là mộng huyễn, ý

khiến cho tâm không chấp trước mới tu thiền được. Hậu học hiểu cạn, liền chấp lời này cho là đạo cứu cánh, lại hướng dẫn môn nhân tu tập phần nhiều là buông lung, cho nên phải nói rộng ưa, ghét, hủy trách, tham sân, ca ngợi siêng thúc liễm thân, điều hòa hơi thở có thứ bậc. Người sau nghe điều này dùng lầm bản giác, một bề chấp tướng. Chỉ có những hạng người lợi căn vững chí, trước sau thờ thầy mới được ngộ ý chỉ tu; còn những hạng người tánh nông cạn, vừa nghe một ý vội cho là đủ, nhưng nương vào tiểu tuệ muốn làm Thầy người, chưa thẩm thấu được gốc ngọn phần nhiều thành thiên chấp, cho nên môn họ đốn tiệm thấy nhau như kẻ thù. Trong tông Nam Bắc đã kích nhau như Hán Sở. Dạy người rửa chân như mò tượng. Để chứng nghiệm điều này, nay trước thuật. Há muốn khác thánh một gốc nên sưu tập thành một hội, cốt phải tròn thành ba điểm, mỗi tông khác đều không thành. Ba tông nếu trái nhau thì đâu thể thành Phật. Cho nên biết muốn hiểu sự truyền trao thuốc và bệnh, phải thấy được ba tông không trái nhau, phải hiểu ba lời dạy của Phật.

Từ trước đến nay mười lý đã trình bày rõ ràng, nhưng đáp kỹ về ba tông Thiên và ba tông Giáo, như đem kinh để cân xứng đủ để định sâu cạn. Trước hết trình bày về thiền môn, sau là dùng giáo để chứng minh.

Ba tông thiền: 1/ Tông dứt vọng tu tâm; 2/ Tông dứt bật không còn chỗ nương; 3/ Tông chỉ thẳng tâm tánh.

Ba giáo: 1/ Nương vào tánh nói tướng. 2/ Mật ý phá tướng hiển tánh. 3/ Hiển bày chân tâm tức tánh. Chính yếu của ba giáo này như đồng với ba tông trước, đối nhau nhưng mỗi bên đều chứng minh cho nhau, về sau hội chung thành một vị. Nay trình bày Thiên tông trước.

1. *Dứt vọng tu tâm*: Nói chúng sanh tuy vốn có Phật tánh, nhưng do vô minh từ vô thủy che mất không thấy cho nên chịu luân hồi sanh tử. Chư Phật đã đoạn vọng tưởng, cho nên thấy tánh rõ ràng; Ngài ra khỏi sanh tử được thân thông tự tại. Nên biết công dụng của phàm thánh khác nhau, ngoại cảnh nội tâm mỗi thứ đều có giới hạn, cho nên phải nương lời sư dạy bối cảnh quán tâm, dừng diệt vọng niệm, niệm hết thì giác ngộ biết tất cả. Như gương bị dính bụi phải siêng lau chùi, trần hết thì ánh sáng hiện không vật gì không chiếu. Lại nữa, phải hiểu rõ phương tiện để vào cảnh giới thiền, xa lìa chỗ ồn ào ở nơi vắng vẻ, ngồi yên điều thân, điều hơi thở, lưỡi trụ trên vòm miệng, tâm trụ một cảnh. Các môn hạ của Nam Năng, Bắc Tú, Bảo Đường, Tuyên Thập... đều thuộc loại này. Ngưu Đầu, Thiên Thai. Tuệ vui, Cầu-na... tiến vào

phương tiện dấu tích rất giống nhau, kiến giải thì khác.

2. *Dứt bật không còn chỗ nương*: Nói pháp phàm thánh bằng nhau đều là như huyễn như mộng không có. Xưa nay không tịch chẳng phải nay mới không, thì đạt được vô trí cũng không thể được. Pháp giới bình đẳng không có Phật, không chúng sanh. Pháp giới cũng là giả danh, tâm thì không có, ai nói pháp giới không tu + vô tu, vô Phật không Phật. Giả sử có một pháp hơn Niết-bàn thì ta nói cũng như mộng huyễn, không có một pháp để bó buộc, không có Phật để làm, hễ có chỗ làm đều là mê vọng. Rõ biết như thế thì xưa nay không có vật gì. Tâm không chỗ nương mới thoát được điên đảo, mới gọi là giải thoát. Thạch Đầu, Ngưu Đầu về sau đến Kinh Sơn đều chỉ dạy lý này, liền khiến cho tâm hạnh tương ứng với điều này, không để ngưng trệ trong một pháp, lâu ngày công đến trần nhóm tự quên, thì đối với oán thân khổ lạc tất cả không ngại. Nhân đây liền có một loại Đạo sĩ Nho sinh nhân tăng đi tham thiền lý đều nói lời này, cho là cùng tột không biết được tông này. Không chỉ dùng lời này làm pháp, Hà Trạch, Giang Tây, Thiên Thai các môn hạ của họ đều nói lời này, nhưng chẳng phải là Sở tông.

3. *Hiện bày thẳng tâm tánh*: Nói tất cả các pháp hoặc có, hoặc không đều chỉ là chân tánh. Chân tánh không tướng vô vi, thể chẳng phải tất cả. Nghĩa là chẳng phải phàm, chẳng phải thánh, chẳng chân, chẳng quả, chẳng thiện, chẳng ác... Nhưng dụng của thể thì hay tạo tác các thứ. Nghĩa là phàm, làm Thánh hiện sắc, hiện tướng... Ở trong chỉ bày tâm tánh, lại có hai loại:

1) Là nay có thể là ngôn ngữ, động tác, tham sân, từ nhĩn tạo thiện ác chịu những khổ vui, thì thật tánh của ông thì xưa nay là Phật, ngoài đây ra không có Phật nào khác. Liễu thì Thiên chân tự nhiên, cho nên không thể khởi tâm tu đạo. Đạo tức là tâm, không thể đem tâm lại tu tâm. Ác cũng là tâm, không thể đem tâm đoạn tâm. Không đoạn không tu thản nhiên tự tại, mới gọi là giải thoát. Tánh như hư không, không thêm không bớt. Mượn gì để tu bổ thêm, chỉ tùy thời tùy chốn dừng nghiệp, dưỡng thai thánh lớn mạnh, hiển phát tự nhiên thần diệu, đây tức là chân ngộ, chân tu, chân chứng.

2) Các pháp như mộng, chư Thánh đồng nói, cho nên vọng niệm vốn lặng, trần cảnh vốn không. Tâm không lặng linh tri không mê mờ, thì đây là biết lặng lẽ, là chân tánh của ông. Mặc tình mê, ngộ tâm vốn tự biết, không mượn duyên sanh không nhờ cảnh khởi. Một chữ biết các môn nhiệm mầu. Do vì từ vô thủy đến mê, vọng chấp thân tâm là ngã khởi lên những niệm tham sân, nếu được bạn lành chỉ dạy, đốn ngộ

biết không tịch. Hơn nữa cái hằng biết không niệm không hình, thì ai là ngã tướng, nhân tướng. Biết các tướng không, tâm tự không niệm. Niệm khởi lìa giác, tỉnh giác được thì không cần tu hành diệu môn chỉ ở đây. Cho nên tu đủ muôn hạnh, chỉ dùng vô niệm làm tông. Nhưng khi đạt được vô niệm tri kiến, thì yêu, ghét tự nhiên lạnh nhạt, bi trí tự nhiên sáng dần, tội và nghiệp tự nhiên đoạn trừ, công hạnh tự nhiên thăng tiến. Đã biết các tướng chẳng phải tướng, tự nhiên tu mà không tu, phiền não hết thì sanh tử liền dứt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt hiện tiền và ứng dụng không cùng. Tên này là Phật, nhưng ở đây hai nhà đều hội tướng về tánh, cho nên đồng một tông. Nhưng trong ba tông trên lại có tôn giáo mạn giáo, theo tướng phỉ báng tướng, chống cự bên ngoài khó thành một môn, khéo léo để tiếp chúng sanh bên ngoài. Khuôn phép dạy đệ tử các môn không đồng, đều là nhị lợi hành mỗi môn đều tùy theo phương tiện này, cũng không mất. Nhưng lý của tông thì không hợp chia thành hai mươi một cho nên phải theo sự hòa hội của Phật. Thứ nữa lại chia Phật giáo gồm ba thứ:

Mật ý nương nói tướng giáo. Trong một giáo này có ba hạng:

- Là dạy nhân quả người trời, nói nghiệp bao thiện ác để cho biết nhân quả không lầm. Sợ khổ Tam đồ cầu vui nhân thiên. Tu tất cả hạnh lành như bố thí, trì giới, thiền định được sanh vào nhân đạo Thiên đạo cho đến sắc giới vô sắc giới, đây gọi là dạy nhân quả người trời.

- Nói đoạn hoặc diệt khổ an vui: Nói ba cõi không an đều như khổ nhà lửa, dạy họ đoạn tập của nghiệp hoặc, tu đạo chứng diệt tùy theo căn cơ. Đã nói pháp số luôn sai khác để chọn lựa tà chánh, để phân biệt Thánh phàm, để phân tích nhằm chán để rõ nhân quả. Nói chúng sanh ngũ uẩn đều không có ngã chủ, tâm suy nghĩ từ xưa đến nay đều là sức nhân duyên, niệm niệm sanh diệt không cùng, như nước chảy lờ đờ, như ánh đèn cháy, thân tâm giả hợp giống như thường; phàm ngu không biết chấp là ngã, bấu này là ta nên khởi lên ba độc tham, sân, si. Ba độc thuộc ý thức phát động ra thân khẩu ý tạo thành tất cả nghiệp; khi thành nghiệp thì khó tránh, cho nên thân chịu khổ vui trong năm đường. Ba cõi có những nơi hơn kém, nên thì thọ thân lại chấp làm ngã, lại khởi tham... tạo nghiệp thọ báo. Thân thì sanh, lão, bệnh, tử, chết rồi thọ sanh. Cõi nước thì thành trụ, hoại không, rỗng không rồi lại thành, đời đời, kiếp kiếp luân hồi không ngừng, vô thủy vô chung như miệng giếng, đều do không biết thân này vốn không là ngã.

- Không phải ngã, vì thân này vốn nhờ sắc tâm hòa hợp làm tướng. Nay suy tìm phân tích, sắc có bốn thứ: địa, thủy, hỏa, phong, tâm có thọ

tướng hành thức. Nếu đều là ngã, thì thành tám ngã. Huống nữa trong ngã có ba trăm sáu mươi phân đoạn. Mỗi phân đoạn khác nhau như da, lông, gân, thịt, gan, tim, phổi các thứ ấy không giống nhau. Các tâm sở này mỗi thứ cũng không đồng, thấy không phải là nghe, vui chẳng phải là buồn. Đã có nhiều loại như thế không biết xác định thứ nào là ta. Nếu đều là ngã, thì một ngã có trong thân trăm ngàn ngã nhiều chủ phân loạn, lia đây ra lại không có pháp khác, suy xét ngược lại thì ngã không được. Ngộ được thân tâm này đều là các duyên dường như tướng hòa hợp vốn chẳng phải một thể, giống như tướng ngã nhân nhưng chẳng phải là tướng ngã nhân. Vì ai tham sân, ai sát đạo, ai tu bố thí, trì giới, ai sanh nhân thiên. Không kẹt tâm trong ba cõi hữu lậu thiện ác, chỉ tu vô ngã quán trí, dùng đó đoạn tham... dùng các nghiệp, chứng được ngã không chân như, đạt được quả Tu-đà-hoàn, cho đến diệt hết lỗi chứng được quả A-la-hán thân tiêu, trí diệt xa lìa các khổ.

- Dem thức phá cảnh: Trên nói sanh diệt... là pháp không có liên quan đến chân như, nhưng đều do chúng sanh từ vô thủy đến nay, pháp như vậy có tám thức. Ở trong tạng thức thứ tám, nó là căn bản, đốn ngộ thì biến đổi chủng tử căn thân khí thế giới, chuyển sanh bảy thức, mỗi thức có khả năng biến hiện phân ra sở duyên. Ngoài tám thức này đều không có pháp thật.

Biến thế nào?

- Ngã pháp phân biệt huân tập thành sức mạnh. Khi các thức sanh biến giống như ngã pháp. Mai thức sáu chảy do vô minh che, duyên vào đây chấp thật ngã, thật pháp. Như người có tội nằm mộng, khi tội thành sức mạnh nên nằm mộng, dường như tất cả đều hiện cảnh tướng bên ngoài. Khi mộng chấp có thật cảnh bên ngoài, khi tỉnh thức mới biết do mộng biến ra. Ngã thân tướng này với cảnh bên ngoài cũng lại như vậy chỉ là thức biết. Mê nên chấp có ngã và các cảnh, đã ngộ vốn không ngã pháp, chỉ có tâm thức. Nương vào hai trí không này, tu các hạnh như Duy thức quán và Lục độ, Tứ nhiếp pháp, dần dần đoạn phiền não và hai chướng sở tri, chứng được nhị không hiển bày chân như, Thập địa viên mãn, chuyển tám thức thành bốn trí Bồ-đề. Chân như chướng hết, thân thành pháp tánh Đại Niết-bàn. Giải Thâm Mật Đẳng Số Thập Bản Kinh, Du-già Duy Thức mấy trăm quyển luận, lý những quyển luận không ngoài ý này. Ba loại trên đây là đệ nhất mật ý nương tánh nói tướng giáo, nhưng chỉ có thứ ba nương thức phá cảnh giáo và thiền môn dứt vọng tu tâm và dung hòa hỗ trợ lẫn nhau, cho cái biết cảnh bên ngoài đều không, cho nên không tu ngoài cảnh sự, tướng, chỉ dừng vọng

tu tâm. Ngừng vọng là dừng vọng của ngã pháp. Tu tâm là tu tâm Duy thức cho nên đồng với giáo Duy thức. Đã giống Phật, thì làm sao lại phỉ báng tông tiệm của người dừng vọng khán tịnh luôn luôn lau chùi tâm trụ, tâm chuyên chú vào một cảnh và kiết già điều thân điều hơi thở. Những phương tiện này thì nhất định Đức Phật đều khen ngợi. Kinh Tịnh Danh nói: “Không nên ngồi không phải là không nên ngồi. Ngồi và không ngồi đều là tùy duyên thích hợp cơ nghi. Ngưng tâm hay hoạt động tâm mỗi thứ đều lường cho tánh quen. Đương thời Cao Tông, Đại Đế cho triều Huyền Tông, bản Tông viên đốn khi chưa sang phương Bắc, chỉ có Thiên sư Thần Tú xiển dương khắp nơi pháp môn tiệm giáo, làm Thầy pháp chư Tam đế ở hai kinh, đều nói tông của Tổ Đạt-ma, lại không hiển bày ý chỉ của Phật. Tào Khê, Hà Trạch sợ tông viên đốn bị mai một, liền quở những việc trụ tâm điều phục tâm chỉ là trừ bệnh, chẳng phải trừ pháp. Huống nữa phương tiện này là truyền giáo của Đại sư Ngũ Tổ, mỗi người được ấn khả làm Thầy một phương. Đạt-ma xoay mặt vào vách dạy người an tâm. Ngoài dừng các duyên trong tâm không suy nghĩ, tâm như tường vách mới vào đạo được, há không đúng pháp tọa thiền sao? Hơn nữa Đại sư Viễn Công ở Lô Sơn và Phật-đà Da-xá hai phạm Tăng đã dịch hai quyển Thiên và kinh của Tổ Đạt-ma có nói pháp môn tọa thiền theo phương tiện thứ tự cùng với môn đồ Thiên Thai và Dật Tú, ý thú không khác, cho nên Tứ Tổ mấy mươi năm hông không bén chiếu. Thì là tông Liễu tri và không liễu tri, do mỗi tông kiến giải sâu cạn, không dùng hạnh điều thân và không điều thân mà xác định nghĩa của pháp. Thiên hay viên chỉ mình tùy bệnh cho thuốc không nên khen đây chê kia (chú này thông cả bài tựa trước. Có người hỏi Tôi rằng: “Tại sao dạy người tọa thiền, thì tôi đều đáp thếp đây”). Mai một ý phá tướng hiển bày hiển bày tánh giáo (căn cứ vào liễu nghĩa chân thật, thì vọng chấp vốn không lại không thể phá. Pháp vốn là chân tánh, tùy duyên diệu dụng mãi mãi không đoạn dứt. Hơn nữa không nên phá, chỉ vì một loại chúng sanh chấp tướng hư vọng, che mờ tánh chân thật khó đạt được huyền ngộ, cho nên Phật không giản trạch thiện, ác, cấu, tịnh tất cả tánh tướng và quở phá. Vì chân tánh và diệu dụng chẳng phải không, vả lại nói không, cho nên nói mật ý. Hơn nữa, ý là chỗ hiển tánh. Nói phá tướng. Trong lời ý không hình, cho nên nói Mật). Nói cảnh sở duyên trong giáo trước đều là hư vọng, thì thức năng biến đầu thể chân thật. Tâm cảnh nương nhau nên không nhưng dường như có. Vả lại tâm không thể khởi một mình, phải nương cảnh mới sanh; cảnh không tự sanh do tâm nên hiện. Tâm không thì cảnh lặng, cảnh diệt thì

tâm không. Chưa có tâm không cảnh, cũng chưa từng có cảnh không tâm. Thấy vật như mộng, dường như khác nhau của năng và sở kiến. Thật ra đồng một hư không không có tất cả, các thức các cảnh cũng lại như vậy. Vì đều tạm mượn các duyên không có tự tánh. Chưa từng có một pháp không sanh từ nhân duyên, thế nên tất cả pháp đều không. Hễ đã có tướng đều là hư vọng, thế nên trong hư không không có sắc, không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có mười tám giới, không có mười hai nhân duyên, không có Tứ đế, vô trí, cũng không có đắc, không nghiệp, không báo ứng, không tu, chứng, sanh tử Niết-bàn bình đẳng như huyễn; chỉ cần không trụ tất cả, không chấp không dính mắc đó là hành đạo. Các bộ Bát-nhã có hơn ngàn quyển và Bách Môn... Tam Luận, Quảng Bách Luận... đều nói điều này (trăm quyển Trí Độ Luận cũng nói lý này, nhưng luận chủ thông đạt không chấp, cho nên thấu nhận cả pháp tướng Đại thừa Tiểu thừa dung thông, sau thành một tông chân tánh). Giáo này và Tông thiên dứt bật không chỗ nương đều đồng. Đã đồng điểm giảng dạy của Đức Phật và quan điểm hướng dẫn của Bồ-tát, tại sao Thiên chủ tiệm môn và môn đồ học giáo, mỗi lần họ nghe thuyết này thì hủy báng bát không nhân quả. Phật tự nói: “Không nghiệp, không báo, đâu có tà kiến? Nếu nói Phật nói lời này, thì họ tự có thâm ý, đâu phải thiên môn nói lời này có thâm ý? Nếu nói tôi từng đưa ra giáo không có thâm ý, thì mình đã gặp những hàng không hiểu, thì nên hiềm khích người. Đâu nên bài xích pháp. Giáo theo Phật bản ý tuy không trái nhau. Nhưng truyền cho hàng hậu học phần nhiều chấp vào văn không hiểu được ý chí, hoặc phần nhiều chấp vào một bên thấy kia khác nhau với mình, hoặc cả hai đều tin bông lung lẫn lộn không rõ ràng. Cho nên Bồ-tát Long Thọ, Đề-bà, nương giáo phá tướng nói rộng nghĩa không, phá chấp hữu này để họ được rỗng rang hiểu được chân như. Chân không là không trái không của nó. Bồ-tát Thiên Thân Vô Trước nương giáo Duy thức nói rộng danh tướng, phân tích tánh tướng không đồng, tịnh nhiễm khác nhau. Phá chấp không này để họ rỗng rang hiểu được diệu hữu. Diệu hữu là có không trái với không. Tuy mỗi thứ thuật lại một nghĩa nhưng thể đầy đủ, cho nên không trái. Nếu như vậy, thì tại sao về sau có các Luận sư Thanh Biện Hộ Pháp cùng nhau phá?

- Đây là vì muốn thành tướng, không phải phá tướng. Vì sao? Vì người học sau căn khí ám độn dần cùng nhau chấp có và không. Ngài Thanh Biện phá tướng có nhất định, khiến họ thấu triệt đạt đến chân không hoàn hảo, mới thành tựu được duyên khởi diệu hữu khai. Ngài

hộ pháp phá đoạn diệt, thiên không nhưng ý vẫn còn diệu hữu, vì diệu hữu còn, chính là vô tánh chân không kia. Văn thì phá tướng nhưng ý thì làm thành tướng (trình bày nghi trước, thiên môn Nam Năng Bắc Tú cạnh tranh nhau, nay muốn giải nghi điều này, vì diệu hữu chân không có hai nghĩa: 1/ Nghĩa cực tướng trái nhau. Nghĩa là hại lẫn nhau nhưng hoàn toàn đều diệt; 2/ Cực tướng thuận. Nghĩa là thâm hợp một tướng đưa ra thể hoàn toàn nhiếp vào nhau. Nếu không đoạt nhau hoàn toàn không, để đưa ra thể thâm hết, cho nên trái nhau mới thuận nhau. Ngài Long Thọ Vô Trước thì thuận theo môn nên thành tựu tướng. Ngài Thanh Biện Hộ Pháp trái môn nên phá tướng. Trái thuận tự tại, thành phá không ngại, thì đối với các pháp đều hòa hội. Đáng thương thay! Phương này hàng hậu học kinh luận hai tông, tướng và không tướng bài xích nhau không khác kẻ thù, khi nào mới chứng được vô sanh pháp nhẫn. Nay thiên đốn, tiệm cũng lại như thế, nỗ lực xem thông suốt không nên nghiêng vào một bên hạn cuộc.

Bậc Tiên hiền ở Tây Vực phá tướng, đã làm thành tựu tướng, há phương này chẳng phải tướng thành tướng tự hiềm?

- Như người uống nước nóng lạnh tự biết, mỗi mỗi nhìn tâm, mỗi mỗi quán sát niệm, để lại thuốc ngừa bệnh không cho người dưng mãnh. Lập pháp lừa kẻ gian, không cho người hiền sĩ. Ba thứ hiển bày chân tâm tức là tánh giáo (chỉ thẳng tự tâm tức là chân tánh, không chỉ dạy theo sự tướng, cũng không chỉ dạy theo tâm tướng, cho nên nói tức tánh, không phải ý sâu kín của phương tiện, cho nên nói là hiển bày). Giáo này nói tất cả chúng sanh đều có tâm chân không tịch, từ xưa đến nay tánh tự thanh tịnh (không nhờ đoạn hoặc thành tịnh, cho nên nói là tánh tịnh. Bảo Tánh Luận nói: “Thanh tịnh có hai: 1/ Tự tánh thanh tịnh, 2/ Ly cấu thanh tịnh”. Thắng Man nói: “Tự tánh thanh tịnh tâm khó biết. Tâm này là bị nhiếp phiền não, cũng khó biết”. Giải thích: “Tâm nay vượt ra khỏi lý hai tông “không” và “hữu” trước, cho nên khó biết được), sáng ngời không mờ rõ ràng hằng biết; Tận mé vị lai thường trụ không diệt, gọi là Phật tánh, cũng gọi là Như Lai Tạng, cũng gọi là tâm địa (Đạt-ma đã truyền tâm này). Từ mé vô thủy vọng tưởng che mờ nó, không tự chứng được, chìm đắm trong sanh tử. Phật thương họ nên xuất hiện ở đời nói các pháp sanh tử tất cả đều không, khai thị tâm này hoàn toàn giống chư Phật. Như kinh Hoa Nghiêm Phẩm Xuất Hiện nói: “Này Phật tử! Không có một chúng sanh nào không có đủ trí tuệ của Như Lai; đều do vọng tưởng chấp trước mà không chứng được. Nếu lia vọng tưởng thì Nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí liền hiện. Thí như có một

quyển kinh lớn (dụ cho trí tuệ Phật) lượng bằng tam thiên đại thiên thế giới (trí thể vô biên rộng như pháp giới) viết tất cả việc trong tam thiên đại thiên thế giới (dụ cho thể sẵn có hằng sa công đức, hằng sa diệu dụng). Quyển kinh lớn này tuy lượng bằng đại thiên thế giới nhưng đều ở hết trong một vi trần. (Dụ cho Phật trí đều ở trong thân chúng sanh viên mãn đầy đủ). Như một vi trần (nêu một chúng sanh làm ví dụ) tất cả vi trần đều như vậy. Lúc đó có một người, trí tuệ thông đạt (dụ cho Phật) đạt được thiên nhãn thanh tịnh thấy trong vi trần có quyển kinh này (sức thiên nhãn vượt ra ngoài chướng ngại vật dụ cho mắt Phật vượt qua phiền não thấy Phật trí), làm lợi ích lớn cho chúng sanh (dụ cho lúc mê không được dụng này và đều khác nhau), liền tạo phương tiện đập phá vi trần kia (dụ cho nói pháp trừ chướng) xuất hiện quyển kinh lớn này, làm cho chúng sanh đều được lợi ích. Trí tuệ của Như Lai cũng lại như thế, vô lượng vô ngại làm lợi ích khắp tất cả chúng sanh (là quyển sách viết việc tam thiên đại thiên thế giới), đầy đủ ở trong thân chúng sanh. Nhưng những người phàm ngu vọng tưởng chấp trước, không hay, không biết không được lợi ích. Bấy giờ Như Lai dùng trí nhãn thanh tịnh vô chướng ngại, quan sát tất cả chúng sanh trong pháp giới nói: “Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh này, vì sao có trí tuệ của Như Lai, ngu si mê hoặc không biết không thấy; Ta nay dạy Thánh đạo cho họ, làm cho họ xa lìa chấp trước vọng tưởng, ngay thân này được thấy trí tuệ rộng lớn của Như Lai giống Phật. Liền dạy chúng sanh kia tu tập Thánh đạo (Lục Ba-la-mật, Tam thập thất phẩm trợ đạo để họ bỏ vọng tưởng. Bỏ vọng tưởng rồi chứng được trí tuệ vô lượng của Như Lai làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh).

Trên đã nói tánh tự rõ ràng thường tri, tại sao phải nhờ chư Phật khai thị.

- Người biết nói lời này thì không phải là chứng tri. Ý nói chân tánh không đồng hư không, gỗ, đá, cho nên nói là tri. Chẳng phải như duyên cảnh thức phân biệt, chẳng phải như trí chiếu soi thể rõ ràng; chỉ là tánh nhất chân như, tự nhiên thường biết. Thế nên Bồ-tát Mã Minh nói: “Chân như tự thể chân thật hiểu biết” Hoa Nghiêm Phẩm Hồi Hương cũng nói: “Chân như chiếu sáng làm tánh”. Lại theo hỏi nói Phẩm Minh, trí và tri khác nhau. Trí giới hạn ở Thánh không thông với phàm, tri thì phàm thánh đều có, thông ở lý trí. Thế nên Bồ-tát Giác Thủ Đăng Cửu hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi: “Thế nào là cảnh giới trí của Phật? (chứng ngộ trí) Thế nào là cảnh giới tri của Phật (sẵn có chân tâm). Văn Thù đáp: “Trí là trí của chư Phật tự tại trong ba đời chẳng

ngại (đều biết được việc quá khứ, hiện tại, vị lai, cho nên tự tại không ngại). Tri là không biết được sở năng thức (không thể biết được thức, dùng thức là thuộc phân biệt; Phân biệt thì chẳng phải chân tri, chân tri chỉ có vô niệm mới thấy) cũng chẳng phải là cảnh giới của tâm (không thể dùng trí để biết. Nghĩa là dùng trí chứng được nó thì thuộc cảnh giới sở chứng, nhưng chân tri chẳng phải là cảnh giới, cho nên không thể dùng trí để chứng, thoát khỏi tâm chiếu thì chẳng phải chân tri. Thế nên kinh nói: “Tự tâm chấp nhận tự tâm, chẳng phải huyễn thành huyễn pháp. Luận nói: “Tâm không thấy tâm”. Hà Trạch Đại sư nói: “Tâm định suy nghĩ liền sai”, cho nên Bắc tông khán tâm là mất chân chỉ. Tâm nếu nhìn được, thì thành cảnh giới, thế nên nói là chẳng phải cảnh giới của tâm). Tánh này xưa nay thanh tịnh (không đợi lìa cấu hoặc mới tịnh, không đợi đoạn nghi trọc mới thanh, thế nên nói vốn là thanh tịnh. Bảo Tánh Luận nói: “Chọn tịnh thì không thể bỏ cấu, tức là tánh tịnh kia, thế nên nói tánh này vốn thanh tịnh”), khai thị cho chúng sanh (đã nói vốn tự thanh tịnh, không đợi đoạn chướng, thì biết rõ chúng sanh xưa nay đều có, chỉ vì bị hoặc che mờ không tự ngộ được, cho nên Phật khai thị khiến cho họ đều ngộ nhập. Thì trong Pháp Hoa khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, như trên đã dẫn ra. Phật xưa xuất hiện ở đời chỉ vì việc này, kia nói khiến được thanh tịnh, tức là trong bảo tánh lìa cấu tịnh. Tâm này tuy là tự tánh thanh tịnh, hoàn toàn phải ngộ tu mới được tánh tướng viên tịnh. Thế nên mấy mươi bản kinh luận đều nói hai thứ thanh tịnh và hai thứ giải thoát. Thời nay người học hiểu cạn, hoặc chỉ biết ly cấu thanh tịnh, ly cấu giải thoát, cho nên hủy báng thiền tức tâm tức Phật. Hoặc chỉ biết tự tánh thanh tịnh, tánh tịnh giải thoát, cho nên xem nhẹ giáo tướng, bài xích trì luật, ngồ thiền điều phục, không biết các hạnh phải đốn ngộ tự tánh thanh tịnh, tánh tự giải thoát. Tiệm tu khiến được ly cấu thanh tịnh, lìa chướng giải thoát, thành tựu viên mãn thanh tịnh, giải thoát cứu cánh, hoặc thân hoặc tâm không bị ngưng trệ, thì đồng với Phật Thích-ca). Bảo Tạng Luận nói: “Biết có là còn hoại, biết không là không bại hoại (đây đều là trí năng tri hữu, vô), biết được chân tri thì không còn chấp vào có không (đã không chấp có không, thì tự tánh không còn biết phân biệt). Khai thị tâm linh tri như thế thì chân tánh và Phật không khác, cho nên hiển bày chân tâm tức là tánh giáo. Hoa Nghiêm, Mật Nghiêm, Viên giác, Phật Đảnh, Thắng Man, Như Lai Tạng, Pháp Hoa, Niết-bàn, còn lại bốn mươi mấy bộ kinh. Bảo Tánh, Phật tánh, Khởi Tín, Thập Địa, pháp giới, Niết-bàn... năm mươi bộ luận hoặc đốn hoặc tiệm khác nhau, căn cứ vào chỗ hiển pháp thể đều thuộc

giáo này, hoàn toàn đồng với thiên môn đệ tam tông hiển bày tâm tánh. Ngài Mã Minh nêu tông làm bản nguyên, Văn Thù chọn “tri” làm chân thể, tại sao chỉ phá tướng. Nhưng nói tịch diệt không chấp nhận chân tri, nhà nói tướng, chấp phạm phu khác Thánh nhân không chấp nhận tức Phật, nay theo Phật giáo phán định chính là người này. Thế nên trước trình bày Tây Vực truyền tâm phần nhiều có cả kinh luận không hai đường; Nhưng phương này tâm mê chấp văn dùng danh làm thể. Đạt-ma thiện xảo chọn văn truyền tâm, nêu tâm này (tâm là tên) thân chỉ thể kia (biết là tâm), dụ xoay mặt vào vách (như trên đã trình bày) làm cho dứt các duyên.

Khi các duyên dứt có rơi vào đoạn diệt không?

- Tuy dứt các niệm vẫn không đoạn diệt.

Làm sao chứng nghiệm nói không đoạn diệt?

- Rõ rõ tự biết nói không đến được. Sự liền ẩn khả rằng, đây là tâm tự tánh thanh tịnh, càng không nên nghi. Nếu đã đáp không khế hợp, thì chỉ ngăn những điều sai lại khiến quan sát, hoàn toàn không cùng với những lời trước nói về chư tri, chỉ đợi tự ngộ mới nhận ra thật, là đích thân chứng được thể này, sau đó ẩn khả khiến dứt nghi kia. Thế nên nói: “Thâm truyền tâm ấn. Đã nói thâm, chỉ thâm chữ tri, chẳng phải đều không nói sáu đời truyền nhau đều như vậy. Đến khi Hà Trạch các tông khác tranh nhau truyền bá, muốn cầu thâm hợp không gặp cơ duyên. Hơn nữa lại tư duy đến lời thọ ký “Huyền Tri” của Tổ Đạt-ma (Đạt-ma nói: “Pháp ta đến sau đời thứ sáu, mạng như sợi tơ”), sợ tông chỉ diệt mất, liền nói một chữ “tri” là môn các nhiệm mầu. Người học tin ngộ sâu cạn, vả lại làm cho giáo Tông đồ không đoạn, cũng là vận mạng pháp nước này đã đến. Một nhóm đạo tục phải được nghe cả cho nên mới cảm ứng như vậy. Sự thâm truyền này còn có người chưa biết, cho nên truyền ca sa làm tin, hiển truyền cho hàng học giả dễ phân biệt, nhưng dùng ngôn thuyết trừ nghi. Hướng nữa có hình thức ngôn từ đủ để dẫn kinh luận làm chứng (trước trình bày khó bên ngoài làm chứng. Thời nay người truyền pháp có mật ngữ không? Nay dùng điều này để trả lời. Phát là pháp của ngài Đạt-ma, cho nên người nghe hiểu sâu cạn đều được lợi ích, nhưng khi xưa mật hay hiển, cho nên không gọi là mật ngữ, đâu thể gọi pháp khác cũng là khác.

Ngộ được tâm này làm sao tu, lại nương vào nói tướng giáo ban đầu khiến tọa thiền chẳng?

- Có hai ý: Một là hôn trầm nặng khó sách tấn, trạo cử mạnh không thể hàng phục được tham, sân lầy lừng tiếp xúc cảnh khó điều

chế, thì dùng giáo trước trong các thứ phương tiện tùy bệnh điều phục. Nếu phiền não mỏng, tuệ giải lan lợi, thì nương bản tông Nhất hạnh, Nhất giáo, Tam-muội. Như Khởi Tín Luận nói: “Nếu người tu chỉ ở nơi thanh vắng thân ngồi ngay chánh ý không theo hơi thở, hình sắc, cho đến chỉ có tâm không có cảnh bên ngoài”. Kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Thiên Trúc là động, không động không phải thiên vô sanh”. Kinh Pháp Cú nói: “Nếu học các môn Tam-muội, là động chẳng phải tọa thiền, tâm theo cảnh chuyển, thì làm sao gọi là định”. Kinh Tịnh Danh nói: “Không khởi diệt định thị hiện các uy nghi (đi, đứng, ngồi, nằm), không ở trong cõi hiện thân ý, đó là ngồi yên. Phật đã ẩn khả, theo đây mà dùng?

- Ba cõi không hoa, tứ sanh mộng寐, nương thể khởi hạnh tu nhưng không tu, còn không trụ Phật, không trụ tâm, ai luận thượng giới, hạ giới (bài tựa trước nạn hỏi rằng: “Theo giáo tu phải dẫn thượng giới để xác định, chỉ nhìn lên trời, chỉ nói chấp quyền tông, thấy được liễu giáo này phải có lòng hổ thẹn thối lui). Nhưng trong giáo này dùng tâm tánh nhất chân đối lại với các pháp nhiệm và tịnh, chọn hết lấy hết.

Chọn hết: Như trên đã nói đều đạt được thể chỉ thẳng linh tri, tức là tâm tánh, còn lại đều là hư vọng. Thế nên nói: “Không phải thức là sở thức, chẳng phải tâm là cảnh, cho đến phi tánh phi tướng, phi Phật, phi chúng sanh, lia tứ cú dứt bách phi”.

Nhận hết: Các pháp nhiệm tịnh đều là tâm. Tâm mê nên vọng khởi hoặc nghiệp, cho đến tứ sanh lục đạo, cõi nước tạp uế. Tâm ngộ nên từ thể khởi dụng, tứ đẳng tâm, lục độ, cho đến Tứ biện tài thập lực diệu thân, cõi tịnh, đều hiện tất cả. Tâm này đã hiện khởi các pháp, các pháp đều là chân tâm. Như người nằm mộng thấy việc, việc việc đều là người. Như vàng thành dụng cụ, mỗi dụng cụ đều là vàng. Như gương hiện ảnh, mỗi hình ảnh đều là gương. (Người nằm mộng chống đối vọng tưởng nghiệp báo. Đồ vật dụ cho tu hành, hình ảnh dụ cho ứng hóa). Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết tất cả pháp tức là tự tánh của tâm, thành tựu tuệ thân không phải người khác ngộ”. Luận Khởi Tín nói: “Tam giới hư ngụy đều do tâm tạo tác, lia tâm thì không có cảnh giới lục trần, cho đến tất cả phân biệt, tức là tự tâm phân biệt. Tâm không thấy tâm, không tướng mới được, cho nên tất cả pháp như tướng trong gương. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Tịch diệt gọi là nhất tâm, nhất tâm gọi là Như Lai Tạng, hay biến tạo tất cả thú sanh, tạo thiện tạo ác, chịu khổ hưởng vui, cùng với nhân nên biết tất cả đều là tâm. Chọn môn nhiếp để phá tướng giáo thứ hai trước. Nhận môn nhiếp nói

tướng giáo thứ nhất trước. Dem những điều trước nhìn điều này, thì điều này rõ ràng khác trước. Dem điều này để nhiếp thứ trước, trước thì hoàn toàn đồng với điều này, sâu thì phải cạn, cạn không đến được sâu. Sâu trình bày thẳng vượt khỏi thể chân tâm, mới ở trong đó chọn tất cả, thấu tất cả. Như thế thấu chọn tự tại tánh không ngại, mới có thể ở trong tất cả pháp đều không chỗ trụ. Chỉ tên này liễu tri, lại có tâm tánh đồng, dị đốn tiệt ngăn ngại, cho đến trình bày ngôn giáo của các nhà thứ tự từng bộ, đại ý trước tác đều ở quyển sau.